

Bản án số: 72/2017/HS-ST
Ngày 22-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiếu

Thẩm phán: Ông Cao Quốc Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm

Ông Đỗ Xuân Vinh

Bà Đào Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/HSST ngày 09 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2017/HSST-QĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D sinh năm: 1986 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị R; Có vợ là Thị Thu H và 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 29/5/2017. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Huỳnh Văn P, Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Văn C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

- Bị hại: Trần Tấn N, sinh năm 1974 (chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Huỳnh Thị H (mẹ bị hại), sinh năm 1955. Có mặt.

Cùng trú: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 29/5/2017, trên tàu thu mua hải sản Minh D mang biển kiểm soát KG-93552TS, đang neo đậu tại vùng biển thuộc xã T, huyện P, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Văn D – Sinh năm 1986, ngụ ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang là người làm thuê trên tàu, sau khi đã uống rượu xong D đi vào cabin tầng trệt của tàu để ngủ. Khi vào trong cabin D thấy anh Trần Tấn N – Sinh năm 1973, ngụ ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, đang nằm trên võng nơi của D thường nằm ngủ hàng ngày, nên D kêu anh N tháo võng đi lên tầng trên cabin ngủ, nhưng anh N không đi, D lấy cây dao thái lan cán vàng dài khoảng 20cm, mũi nhọn để trong cái lon trong vách cabin, cắt đứt dây võng làm anh N té ngã xuống sàn cabin, nên D và N xảy ra cự cãi nhau ở phía trước boong tàu. Trong lúc cự cãi D dùng dao thái lan đâm trúng vào vùng ngực bên phải của anh N một nhát, D rút dao ra ném bỏ xuống biển, anh N được các ngư phủ đi chung tàu đưa vào trạm y tế xã T1 cấp cứu đến sáng ngày 30/6/2017 Trần Tấn N tử vong.

Về các vấn đề khác:

*Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 300/KL-KTHS, ngày 29/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Kiên Giang kết luận đối với tử thi Trần Tấn N, kết luận như sau:

1. Các kết quả chính:

- Vết thương 1/3 giữa bờ dưới xương đòn phải, bờ mép vết thương sắc gọn, sâu vào bên trong kHng ngực phải.
- Tụ máu dưới da cơ ngực phải.
- Thủng thùy trên phổi phải. Khoang màng phổi có khoảng 500ml máu loãng và 100g máu cục.

2. Kết luận:

- Trần Tấn N, nơi ĐHKTT: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang tử vong sốc mất máu cấp do vết thương 1/3 giữa bờ dưới xương đòn gây thủng thùy trên phổi phải.

***Vật chứng vụ án thu giữ:**

- 01 cái võng chất liệu bằng vải màu xám trắng, có cột dây sẵn ở hai đầu võng (loại dây bô) một đầu dây võng bị đứt do vết cắt.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 40/KSĐT-TA ngày 06/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” và đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt cho bị cáo từ 16 – 18 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 – Bộ luật Hình sự và Điều 591 – Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải bồi thường số tiền 22.000.000 đồng tiền mai táng phí cho đại diện gia đình bị hại.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 32/QĐCGVC ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Quan điểm của luật sư Huỳnh Văn P bào chữa cho bị cáo: Không thống nhất với cáo trạng của VKS truy tố bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS. Bị cáo phạm tội do quá tức giận và bộc phát, không suy nghĩ được hậu quả xảy ra. Do ở ngoài biển đảo không cấp cứu kịp thời, đúng cách nên mới dẫn đến cái chết của bị hại. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cố gắng hết sức nhưng không có điều kiện để bồi thường cho người bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị HĐXX chuyển tội danh cho bị cáo sang tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại – Bà Huỳnh Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng cho cháu Trần Ngọc K. Bà chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường cho con dâu bà là chị Trần Ngọc T chi phí mai táng là 22.000.000 đồng và xin giảm án cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ để sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Bị cáo cho rằng anh Trần Văn N là thủy thủ đi chung tàu đánh bắt hải sản tranh giành nơi ngủ của bị cáo nên xảy ra cãi nhau và bị cáo đã dùng dao nhọn đâm vào vùng ngực anh N một nhát làm thủng thùy phổi và tử vong do sốc mất máu cấp. Lời khai của bị cáo đã phù hợp với lời khai của những người làm chứng đi chung tàu, phù hợp với kết luận giám định pháp y. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo đã dùng dao nhọn đâm vào người anh Trần Văn N và bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ côn đồ, có ý thức muốn tước đoạt mạng sống của người khác và hậu quả chết người đã xảy ra. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung là “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Chỉ vì một yêu cầu về chỗ ngủ không được đáp ứng, bị cáo đã dùng dao tước đoạt mạng sống của người khác. Bị cáo là người gây sự, có hành vi không đúng mực là cắt võng người khác đang nằm và dù được anh Đào Ngọc H can ngăn nhưng bị cáo vẫn thực hiện.

Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, xem thường tính mạng của người khác, bất chấp hậu quả xảy ra chỉ hành xử cho thỏa cơn giận của mình. Hậu quả bị cáo gây ra ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội chung và gây thiệt hại về vật chất, tổn thất về tinh thần cho gia đình người bị hại rất nặng nề.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu xin giảm án cho bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tội danh cho bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo thực hiện hành vi cố ý đâm vào ngực làm thủng phổi của nạn nhân và bỏ mặc hậu quả xảy ra, người bị hại không có lỗi và chưa có hành vi nào tấn công hay xúc phạm bị cáo đến mức kích động, bị cáo không kiềm chế được bản thân. Do đó, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử không chuyển tội danh cho bị cáo.

[6] Quan điểm của truy tố của Viện kiểm sát:

Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Người đại diện hợp pháp của người bị hại – Bà Huỳnh Thị H yêu cầu:

Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị này có căn cứ nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để chấp nhận xem xét cho bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

*Về trách nhiệm bồi thường: Bà Huỳnh Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường cho con dâu bà là chị Trần Ngọc T chi phí mai táng anh Trần Tấn N tổng cộng là 22.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần và cấp dưỡng nuôi con anh N. Chị Trần Ngọc T và bị cáo đồng ý với yêu cầu của bà H. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc đồng ý bồi thường chi phí mai táng cho nạn nhân là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ Điều 3 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng không còn giá trị sử dụng theo Quyết

định chuyển giao vật chứng số 32/QĐCGVC ngày 05/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

***Về án phí:**

Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 22.000.000 đồng * 5% = 1.100.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

*Sau khi anh Trần Tấn N mất, anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1973. ĐKTT: 68B L, P. A, TP. R, tỉnh Kiên Giang là chủ tàu KG – 93552TS đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình anh N 30.000.000 đồng chi phí mai táng cho anh Trần Tấn N. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/11/2017 anh thể hiện sự tự nguyện hỗ trợ cho gia đình người bị hại, anh không yêu cầu gia đình người bị hại và bị cáo hoàn trả cho anh. Xét thấy việc tự nguyện này là phù hợp và không vi phạm đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn D** phạm tội “*Giết người*”

2. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn D 16 (mười sáu) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/5/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 591 và Điều 3 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại. Theo đó, bị cáo phải bồi thường chi phí mai táng cho phía gia đình người bị hại là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành cho những người bị hại thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 32 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên

Giang.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG;
- THA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- Người ĐDHP của BH;
- Lưu.

Lê Thị Minh Hiếu